

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/DS-PT

Ngày: 12-4-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị R, sinh năm 1964, cư trú tại: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976, cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 7 năm 2017).

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 198, cư trú tại: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1977; cư trú tại: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh T1 có văn bản từ chối tham gia tố tụng ngày 04/4/2018.

2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1963, cư trú tại: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị R là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P1 trình bày:

Ngày 25/5/2014 âm lịch (nhằm ngày 18/10/2014 dương lịch) bà R có cho chị Bùi Thị H vay số tiền 56.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán là 10 ngày. Bà R đã giao tiền cho chị H nhận và ghi giấy nợ. Tính đến thời điểm hiện tại, chị H chưa thanh toán cho bà R tiền gốc và lãi. Anh T1 là chồng chị H có biết việc chị H vay tiền của bà R và cam kết sẽ cùng trả nợ với chị H.

Nay bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Bùi Thị H và chồng là anh Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà R số tiền 56.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị không có vay tiền của bà R. Chị có viết giấy nợ ngày 25/9/2014 âm lịch nhưng số tiền này chị không vay, không có nhận từ bà R. Lý do chị viết tờ giấy này là vì mẹ chị (bà Võ Thị B) có vay tiền của bà R, do mẹ chị bệnh nên chị viết giấy nợ cho bà R thay mẹ chị. Chồng chị là anh Huỳnh Văn T1 không biết, không liên quan trong vụ việc này. Do đó, chị không đồng ý yêu cầu của bà R về việc liên đới cùng anh T1 trả cho bà R số tiền 56.000.000 đồng này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T1 trình bày:

Anh không biết việc vay tiền của bà B với bà R. Việc này xảy ra trước khi anh và chị H kết hôn với nhau. Anh không liên quan số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị B trình bày:

Bà có vay tiền của bà R số tiền 50.000.000 đồng. Thời điểm năm 2014 bà bị bệnh nên bà R mới kêu con bà (chị H) viết giấy nợ để lãnh nợ thay bà. Con bà không biết chính xác số nợ là bao nhiêu nên khi bà R yêu cầu viết 56.000.000 đồng thì chị H cũng đồng ý viết. Thực chất số tiền này là bà nợ bà R và chỉ có 50.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Bùi Thị H.

Buộc chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị R số tiền nợ vay 56.000.000 đồng, không tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà R về việc buộc anh Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với chị H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/02/2018, nguyên đơn bà Bùi Thị R kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, buộc anh Huỳnh Văn T1 có trách nhiệm liên đới với chị Bùi Thị H trả cho bà số tiền 56.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đồng thời, về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả số tiền 56.000.000 đồng, tuy nhiên anh T1 và chị H không đồng ý việc anh T1 cùng liên đới trả nợ cho bà R. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cung cấp bản trích lục kết hôn của chị Bùi Thị H và anh Huỳnh Văn T1 thể hiện ngày đăng ký kết hôn là 21/01/2013. Tuy nhiên, theo giấy nhận nợ ngày 25/9/2014 không thể hiện mục đích chị H vay tiền dùng vào phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời anh T1 không thừa nhận nghĩa vụ liên đới vì cho rằng việc chị H vay tiền anh không biết và không sử dụng số tiền này. Ngoài ra, bà R cũng thừa nhận

chị H nhận tiền một mình và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trách nhiệm liên đới của anh T1 trong vụ án, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc anh T1 phải liên đới với chị H trả nợ vay cho bà R là phù hợp.

Từ những nhận định trên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà R phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007951 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà R số tiền là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị R phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014699 ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị R;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị R về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Bùi Thị H.

Buộc chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị R số tiền là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Bùi Thị R không yêu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị R về việc buộc anh Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ tiền vay với chị Bùi Thị H.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Bùi Thị R phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007951 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà R số tiền là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị R phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014699 ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thẩm phán

Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

